

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280/2023/DS-PT
Ngày 23 – 8– 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:174/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 200, đường T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Văn Nuôi, là Luật sư của Văn Phòng Luật sư Ánh Sáng – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt);

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị P1, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1: Ông Hồ Vũ P2, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

2. Chị Trần Thị Tường V, sinh năm 2001(Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, phường 8, thành phố C, tỉnh C

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 15/5/2018, bà T có cho bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi trả hàng tháng, khi vay có viết biên. Bà P1 và chị V có thể chấp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số BP 369509 đứng tên Trần Thị Bích Tuyền, Trần Thị Tường V. Từ khi vay đến nay bà Phương và chị V không thanh toán vốn, lãi cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà P1 và chị V thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 15/5/2018 đến ngày 15/01/2023 theo lãi suất 1,66%/ tháng là 92.960.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 192.960.000 đồng.

- Đối với ông bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V: Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 100.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V trả phần lãi với số tiền là 92.960.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 369508 do Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/11/2014 cho bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 12/6/2023, Bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V trả phần lãi với số tiền là 92.960.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư Nuôi phát biểu: Hợp đồng vay ngày 15/5/2018 giữa bà T với bà P1 và chị V là hợp đồng vay có lãi, vì hợp đồng có nội dung bà P1 và chị V cam kết trả tiền góp hàng tháng theo thỏa thuận. Do đó, bà T yêu cầu bà P1 và chị V trả khoản tiền lãi là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà T thống nhất yêu cầu bà P1 và chị V trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm, nên kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T.

Bà T thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư, không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà P1 và chị V trả phần lãi theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà T khởi kiện bà bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V yêu cầu thanh toán khoản tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 92.960.000 đồng. Bà T có cung hợp đồng vay tiền ngày 15/5/2018 có bà P1 và chị V ký tên để chứng minh. Tại hợp đồng vay tiền ngày 15/5/2018 thể hiện: Bà P1 và chị V vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, bà P1 và chị V có thể chấp cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 369509. Tòa án cấp sơ thẩm đã có tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T cho bà P1 và chị V, nhưng bà T và chị V cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy, có cơ sở xác định việc bà P1 và chị V vay tiền của bà T là có thực tế. Do bà P1 và chị V chưa thanh toán khoản tiền nợ gốc cho bà T, nên bản án sơ thẩm buộc bà P1 và chị V trả cho bà T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với khoản tiền lãi: Theo thỏa thuận tại hợp đồng vay giữa bà T với bà P1 và chị V có cơ sở xác định là vay có lãi. Từ khi vay đến nay, bà P1 và chị V không thanh toán lãi cho bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu bà P1 và chị V thanh toán khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc đã vay là có căn cứ. Bản án sơ thẩm nhận định *“Quá trình vay tiền phía nguyên và bị đơn không thỏa thuận thời hạn trả vốn cũng như lãi suất là bao nhiêu và tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc phía bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn”* nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối yêu cầu bị đơn trả lãi là không phù hợp. Tuy nhiên, do hợp đồng vay của các bên không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu, nay có tranh chấp về lãi suất, nên yêu cầu của bà T tính lãi suất 1,66%/tháng là không có cơ sở chấp nhận, mà cần phải áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là phù hợp. Tại phiên tòa, bà T thống nhất yêu cầu bà P1 và chị V thanh toán lãi theo mức lãi suất 10%/năm; thời gian tính lãi từ 15/5/2018 đến ngày 23/01/2023 là 56 tháng 08 ngày nhưng tính tròn 56 tháng, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy khoản tiền lãi bà P1 và chị V phải trả cho bà T là 46.480.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 56 \text{ tháng} = 46.480.000 \text{ đồng}$). Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc bà P1 và chị V phải trả cho bà T là 146.480.000 đồng.

[3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2023/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 146.480.000 đồng (trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 46.480.000 đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà P1 và chị Vy, còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T với số tiền là 46.480.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T giao trả lại cho bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 369509 do Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 18/11/2014 cho chị Trần Thị Bích Tuyền và chị Trần Thị Tường V đứng tên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P1 và chị Trần Thị Tường V phải chịu số tiền 7.324.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 2.324.000 đồng. Ngày 01/02/2023, bà T đã dự nộp số tiền 4.824.000 đồng theo biên lai thu số 0002754 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ được nhận lại 2.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Ngày 15/6/2023, bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003592 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập